TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân T; cư trú tại Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị T1; ĐKTT: Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Phòng M Tòa nhà V (xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội); vắng mặt tại phiên toà (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân T và bà Hoàng Thị T1 kết hôn cùng nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A vào ngày 06 tháng 12 năm 1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

cùng nhau tại gia đình bố mẹ đẻ ông T ở thôn D, xã Đ; đến năm 1990 thì chuyển đến ở tại Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, xảy ra tranh cãi, bất hòa. Khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã tìm nhiều giải pháp để khắc phục và đã được gia đình, bạn bè hai bên khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2019, hiện tại không ai quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay ông Nguyễn Xuân T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Hoàng Thị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thúy N - sinh ngày 03 tháng 9 năm 1990 và Nguyễn Hoàng Y - sinh ngày 21 tháng 11 năm 2001. Các con chung đã đủ 18 tuổi và tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Hoàng Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng như ông Nguyễn Xuân T đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 1990, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp. Khi phát sinh mâu thuẫn, bà đã góp ý, khuyên giải ông T nhưng ông T không tiếp thu, sửa chữa. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 12 năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân; từ đó đến nay không quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay ông Nguyễn Xuân T xin ly hôn, bà Hoàng Thị T1 xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nhưng không đồng ý ly hôn vì còn bị ràng buộc bởi các con chung và tài sản của vợ chồng chưa được giải quyết xong.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như ông Nguyễn Xuân T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, bà Hoàng Thị T1 đề nghị buộc ông T phải có trách nhiệm với bà trong việc nuôi dạy con chung Nguyễn Hoàng Y; con chung Nguyễn Thúy N đã xây dựng gia đình.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn, vợ chồng sẽ tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành

đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Nguyễn Xuân T được ly hôn với bà Hoàng Thị T1; về con chung: Các con Nguyễn Thúy N - sinh ngày 03 tháng 9 năm 1990 và Nguyễn Hoàng Y - sinh ngày 21 tháng 11 năm 2001 đã đủ 18 tuổi và tự quyết định được cuộc sống nên không xem xét giải quyết. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị T1 cư trú tại Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau đó, bà Hoàng Thị T1 chuyển đến cư trú tại Phòng M Tòa nhà V (xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội) nên căn cứ khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A có thẩm quyền tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, bà Hoàng Thị T1 đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng bà Hoàng Thị T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, bà Hoàng Thị T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định ông Nguyễn Xuân T và bà Hoàng Thị T1 kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A vào ngày 06 tháng 12 năm 1989. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra tranh cãi; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Xuân T và bà Hoàng Thị T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Xuân T được ly hôn với bà Hoàng Thị T1.

[4] Bà Hoàng Thị T1 không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng còn ràng buộc bởi các con chung và còn chưa giải quyết xong về vấn đề tài sản nhưng bà T1 đã vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa; chứng tỏ việc bà T1 không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ

chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T1. Bà Hoàng Thị T1 đề nghị Tòa án kéo dài thời gian giải quyết vụ án do phải khám bệnh định kỳ để kiểm tra vết mổ trong khi hàng ngày bà T1 vẫn đi làm và tự phục vụ sinh hoạt cho bản thân, không phải thuộc trường hợp bất khả kháng nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông Nguyễn Xuân T và bà Hoàng Thị T1 có các con chung Nguyễn Thúy N - sinh ngày 03 tháng 9 năm 1990 và Nguyễn Hoàng Y - sinh ngày 21 tháng 11 năm 2001. Tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: " *Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình*". Các con chung Nguyễn Thúy N, Nguyễn Hoàng Y đều đã thành niên, đều không mất năng lực hành vi dân sự và đều có khả năng lao động, tự quyết định được cuộc sống nên việc bà Hoàng Thị T1 có quan điểm đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân T phải có trách nhiệm với bà T1 trong việc nuôi dạy con chung Nguyễn Hoàng Y khi ly hôn là không có căn cứ pháp luật.

[6] Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 39, 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Xuân T được ly hôn với bà Hoàng Thị T1.

2.Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Ông Nguyễn Xuân T đã nộp số tiền

300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012555 ngày 06 tháng 5 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch